SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG TH, THCS & THPT CHU VĂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86/BC-CVA

Đông Anh, ngày 09 tháng 09 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm:2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An

2. Địa chỉ: Thôn Bầu, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội

3. Điện thoại: 0243 8810779

Fanpage: TH, THCS & THPT Chu Văn An

4. Loại hình: Trường THPT ngoài công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

5. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành: Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An thành lập theo Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 27 tháng 03 năm 2020 của UBND Thành phố Hà Nội cho phép thành lập trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An (Trên cơ sở Trường Trung học phổ thông Ngô Tất Tố đang hoạt động).

- Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An là trường Phổ thông tư thục thuộc hệ thống các trường THPT thành phố Hà Nội. Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số: 1614/QĐ - SGDĐT ngày 11 tháng 10 năm 2022. Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An chịu sự quản lí nhà nước trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, hoạt động tài chính theo nguyên tắc lấy thu bù chi, trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, được mở tài khoản, tài chính độc lập; thực hiện chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành.

Scanned with CamScanner

- Xây dựng phát triển nhà trường theo quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của phát luật.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Minh

Chức vụ: Hiệu trưởng
Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Bầu, xã Thiên lộc, thành phố Hà Nội
Số điện thoại: 0985257170 Gmail: duyanh180505@gmail.com

2. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An được thành lập từ năm 2020 theo Theo Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 27 tháng 03 năm 2020 của UBND Thành phố Hà Nội.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định (QĐ) số 1614/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Sở GD và ĐT Hà Nội về việc công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An nhiệm kỳ 2022 - 2027

Danh sách Hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Vị trí công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Đoàn Thị Thu Hương	Nhà đầu tư	CTHĐ	
2	Nguyễn Thị Thu Nga	Nhà đầu tư	Thành viên	
3	Nguyễn Thị Minh	Hiệu trưởng trường TH, THCS & THPT Chu Văn An	Thành viên	
4	Hoàng Văn Luận	Phó hiệu trưởng trường TH, THCS & THPT Chu Văn An	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Mây	Giáo viên trường Cao đẳng Công Nghệ và Thương mại Hà Nội	Thành viên	

c. Quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định công nhận lại Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Quyết định số 1286/QĐ-SGDĐT ngày 29/05/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận lại chức vụ Hiệu trưởng trường TH, THCS & THPT Chu Văn An.

Quyết định số 1287/QĐ-SGDĐT ngày 29/05/2025 của Sở Giáo dục

Scanned with CamScanner

và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận lại Phó Hiệu trưởng Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường TH, THCS & THPT Chu Văn An

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình

cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên theo đúng quy định.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Scanned with CamScanner

+ 01 Hội đồng trường với 05 thành viên.
+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
+ Tổ chức Đoàn đội: có 10 chi đoàn.
+ Ban đại diện CMHS.
+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ gồm tổ chuyên môn Toán - Tin; Văn - HĐ TNHN; Ngoại ngữ - GDTC - GDQP AN – Mỹ thuật; tổ Xã hội Sử - Địa – KTPL - GD ĐP; tổ TN Lý - Hóa - Sinh.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Minh	Hiệu trưởng	0985257170	duyanh180505@gmail.com
2	Hoàng Văn Luận	P. Hiệu trưởng	0912711383	luanhv@ymail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Bầu, xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội

3. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường:

Nhà trường nhiều năm liên tục có tỷ lệ tốt nghiệp 100% tỷ lệ học sinh đỗ ĐH-CĐ những năm gần đây đạt hơn 60%. Chiến lược phát triển nhà trường định hướng chất lượng cao, tuyển chọn học sinh đầu vào, đầu tư CSVC, đầu tư đội ngũ giáo viên có chuyên môn vững vàng.

Scanned with CamScanner

DANH SÁCH GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo						Hạng mức chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	III	II	I	Xuất sắc	Khá	TB	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	**33**		**09**	**20**		**01**	**03**							
I	**Giáo viên** (Trong đó số giáo viên dạy môn):	**26**		07	19										
1	Toán	**5**		1	4										
2	Lý	**2**		2											
3	Hóa	**2**			2										
4	Sinh	**1**			1										
5	Tin	**1**			1										
6	KTNN														
7	KTCN														
8	Ngữ văn	**3**		1	2										
9	Lịch sử	**2**			2										
10	Địa lý	**3**		1	2										
11	GDCD	**2**			2										
12	Anh văn	**2**			2										
13	Thể dục	**1**			1										
14	Quốc phòng														
II	**Cán bộ quản lý**	**02**		**2**											
1	Hiệu trưởng			1											
2	P. Hiệu trưởng			1											
III	**Nhân viên**	**05**			**1**		**1**	**3**							
1	Nhân viên Kế toán						1								
2	Nhân viên văn phòng				1										
3	Nhân viên tạp vụ							1							
4	Bảo vệ							2							

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 28/28 = 100% trong đó BGH: 02, GV: 26.

Scanned with CamScanner

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**		Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	10	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	0	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	10/10	
8	Bình quân học sinh/lớp	34hs/1 lớp	
III	**Số điểm trường**	1	
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	4373.2	12m^2/học sinh
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	600.5	1,7m^2/học sinh
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	56	1,5m^2/học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	0	
3	Diện tích thư viện (m^2)	20	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	0	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	Ghép	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	1	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1	
1.1	Khối lớp 10	1	
1.2	Khối lớp 11	1	
1.3	Khối lớp 12	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	25	
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	17	
2	**Đài Catset**	0	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	0	
5	**Thiết bị khác...**		
6	**.....**		

Scanned with CamScanner

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		3.08m^2/hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Scanned with CamScanner

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.
- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường TH, THCS & THPT Chu Văn An năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	-HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10	- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ GD và ĐT - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định	- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ GD và ĐT - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học sinh tham gia hoạt động Đoàn viên, thanh niên, được tham gia các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ		

Scanned with CamScanner

		lớn trong năm (20/11, 22/12,26/3,19/5….) - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (Xanh, sạch, đẹp) - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, tìm hiểu kiến thức pháp luật,….)		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đạo đức học sinh: 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học. - Học tập: Mọi học sinh cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. + Tỉ lệ tốt nghiệp: 100% + Đại học: trên 60% học sinh tốt nghiệp + Về học lực: Tốt ít nhất 10%; Khá ít nhất 40%; Đạt (49%), CĐ (1%). + Hạnh kiểm: Tốt (90%), khá (10%), chưa đạt (0%) + Bỏ học: dưới 1% + Lưu ban: 0% - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Tỉ lệ học sinh lên lớp trên 100% - Duy trì sĩ số ổn định	- Tỉ lệ học sinh lên lớp trên 100% - Duy trì sĩ số ổn định	- 100% HS đủ điều kiện dự thi THPT QG - Tỉ lệ tốt nghiệp THPT 100%

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**578**	**148**	**213**	**217**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**529** **91.52%**	136 91.89%	187 87.79%	206 94.43%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**44** **7.61%**	12 8.11%	21 9.86%	11 5.07%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**5** **0.87%**	0 0.0%	5 2.35%	0 0.0%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**0**			
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**578**	**148**	**213**	**217**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**110** **19.03%**	14 9.46%	14 6.57%	82 37.79
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**319** **55.19%**	70 47.3%	118 55.4%	131 60.37

Scanned with CamScanner

3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**132** **22.84%**	63 42.57%	65 30.52%	4 1.84%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**17** **2.94%**	1 0.68%	16 7.51%	0 0.0%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**578**	**148**	**213**	**217**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**561**	147 99.32%	197 92.49%	217 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**110** **19.03%**	14 9.46%	14 6.57%	82 37.79%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	**17** **2.94%**	1 0.68	16 7.51	0 0.0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	**6**	0/0	4/1	1/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	
6	Bỏ học, chuyển đi học nghề (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	**10**	0	0/9	0/1
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	**0**	0	0	
1	Cấp tỉnh/thành phố				
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**		0		
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập** (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập** (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**329/249**	80/68	116/97	133/84
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**2**		2	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

ĐVT: đồng

Scanned with CamScanner

Số TT	Nội dung	Kinh phí
A	**Tổng số thu, chi, tiền học phí**	4.021.400.000
I	**Tổng thu từ nguồn thu phí**	4.021.400.000
1	**Số thu phí, lệ phí**	-
a	Học phí	4.021.400.000
2	**Chi từ nguồn thu phí**	-
2.1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	
a	Chi lương	3.270.720.785
b	Chi hoạt động	
3.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	726.231.639
3.2.2	Chi khác	0

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với ngoời học thuộc diện đoợc hưởng chính sách xãhội năm học 2024-2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	0	0	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	0	0	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐTBLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng	0	0	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	0		
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	0		
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	0	0	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	0	0	

Scanned with CamScanner

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2024-2025			
2	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Năm học 2026-2027			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	

4. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	43	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	3.270.720.785	
III	Các khoản giảm trừ			
IV	Số lượng NPT tính giảm trừ		19	
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		3.339.600.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		0	
3	Bảo hiểm được trừ		159.972.573	
V	Thu nhập tính thuế		0	

5. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2025	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
A	**Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ**	2.989.200.000	1.351.200.000	1.638.000.000	
B	**Dự toán chi**		1.418.529.264	2.934.074.594	

Scanned with CamScanner

1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**		1.418.529.264	2.934.074.594	
	Tiền lương		1.155.974.131	1.395.750.038	
	PC ăn trưa		57.960.000	86.000.000	
	PC trang phục		38.640.000	54.900.000	
	PC điện thoại		43.800.000	46.300.000	
	PC xăng xe		65.730.000	65.640.000	
	Thanh toán dịch vụ điện, nước, điện thoại ….		11.720.733	39.465.476	
	Vật tư văn phòng		13.580.400	4.159.080	
	Công tác phí		0	0	
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		31.124.000	251.860.000	
	Chi khác			990.000.000	
2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**		**0**	**0**	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Kế hoạch giáo dục trọng tâm:

- Tổ chức học sinh ôn thi học sinh giỏi cấp Cụm cho học sinh khối 11 năm học 2024-2025
- Xây dựng Kế hoạch ôn thi TN, phụ đạo học sinh yếu khối 12
- Kiểm tra nội bộ
- Tập huấn CM, CNTT cho đội ngũ GV
- Triển khai các kế hoạch hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2025 (*Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)* của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An.

Scanned with CamScanner

Nơi nhận:
- Sở GDĐT (B/c);
- Đội truyền thông của trường;
- Lưu: VT.,

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN

Nguyễn Thị Minh

Scanned with CamScanner